

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-11-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Bốn.

2. Bà Ngô Thị Mai Du.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Thúy N, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Tổ 23, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Thành T, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Xóm 4, thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/7/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Thúy N trình bày:

Chị Bùi Thị Thúy N và anh Trương Thành T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết

hôn vào năm 2009, tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Trong quá trình chung sống, do tính cách không hòa hợp nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bên cạnh đó anh T ham mê cờ bạc, không quan tâm chăm lo cho gia đình. Những lúc chị N khuyên nhủ thì anh T chửi mắng và đánh đập chị N, vì các con còn nhỏ nên chị N phải cố gắng chịu đựng trong suốt thời gian dài để mong anh T thay đổi cách sống nhưng anh T ngày càng lún sâu vào cờ bạc, lấy tài sản của vợ chồng để tiêu xài riêng cho cá nhân, không có trách nhiệm gì với vợ con, làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt. Từ tháng 01/2019 đến nay, chị N và anh T tự ly thân nhau, không quan tâm liên lạc gì với nhau.

Nay chị N nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên chị N yêu cầu được ly hôn anh Trương Thành T.

Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung tên là Trương Thị Quỳnh N, sinh ngày 30/9/2009 và Trương Thành L, sinh ngày 02/4/2011. Hiện nay cả 02 con chung đang ở cùng với chị Nhật.

Tại đơn khởi kiện, chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu anh Thoại cấp dưỡng cho Trương Thị Quỳnh N mỗi tháng 1.000.000đồng, cấp dưỡng cho Trương Thành L mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu N và cháu L đủ 18 tuổi.

Trong quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa, chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung, không yêu cầu anh Thoại cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N trình bày chị và anh T không có nợ chung.

Tại bản trình bày ngày 25/7/2019 anh T trình bày:

Anh Trương Thành T và chị Bùi Thị Thúy N tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2009.

Trong quá trình chung sống, anh T có đôi lần đánh chị N vì chị N không chung thủy, anh T thừa nhận trước đây anh có chơi cờ bạc nhưng đã từ bỏ để gia đình được êm ấm, hạnh phúc. Về việc chị N xin ly hôn anh T, anh T không đồng ý vì còn tình cảm với chị N, mong muốn hàn gắn tình cảm để vợ chồng tiếp tục chung sống.

Về con chung: Anh T trình bày vợ chồng có hai con chung là Trương Thị Quỳnh N, sinh ngày 30/9/2009 và Trương Thành L, sinh ngày 02/4/2011. Hiện nay cả 02 con đang sống chung với chị N.

Anh T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Thành L, giao cháu Trương Thị Quỳnh N cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T trình bày không có nợ chung.

Tại bản trình bày ngày 30/7/2019 cháu Trương Thị Quỳnh N và cháu Trương Thành L đều có ý kiến khi ba mẹ ly hôn, các cháu muốn ở với mẹ (chị N) vì từ nhỏ đến giờ chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy các cháu.

Tại biên các bản xác minh ngày 10/9/2019, Tòa án làm việc với đại diện Hội liên hiệp phụ nữ xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; biên bản xác minh ngày 18/9/2019, Tòa án làm việc với tổ trưởng tổ dân phố số 9, phường Q, thành phố Q đều xác nhận tình trạng hôn nhân của chị N anh T trong thời gian chung sống tại địa phương không có mâu thuẫn gì lớn cần đến sự can thiệp, hòa giải của các hội đoàn thể tại địa phương, chị N có trách nhiệm trong việc nuôi dạy con cái, hiện nay các cháu đang sống cùng với chị N, được học tập và phát triển bình thường.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong quá trình tố tụng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, bị đơn đã vi phạm vào các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thúy N yêu cầu ly hôn với anh Trương Thành T.

Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung tên là Trương Thị Quỳnh N, sinh ngày 30/9/2009 và Trương Thành L, sinh ngày 02/4/2011. Hiện nay cả 02 con chung đang sống cùng với chị N. Cả hai cháu N và cháu L đều đã trên 7 tuổi và đều có nguyện vọng được ở với chị N, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Trương Thị Quỳnh N và Trương Thành L cho chị Bùi Thị Thúy N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, chị N tự nguyện không yêu cầu

chị anh T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N và anh t không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Bùi Thị Thúy N xin ly hôn anh Trương Thành T, anh T hiện nay có hộ khẩu thường trú và địa chỉ nơi cư trú hiện nay tại Thôn A, xã N huyện T, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Anh Trương Thành T được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 15/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/10/2019 nhưng anh T vắng mặt không có lý do, căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trương Thành T.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thúy N và anh Trương Thành T tự nguyện tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị Thúy N giữa nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trương Thành T.

Tại bản trình bày ngày 25/7/2019 anh T có ý kiến: không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N, mong muốn hàn gắn, chung sống.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình chung sống, giữa chị N và anh T có nhiều mâu thuẫn nên giữa vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt.

Vì mất niềm tin trong tình cảm vợ chồng nên anh T có nhiều lần ghen tuông dẫn đến có hành vi bạo hành với chị N, làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn.

Về phía chị N, trước đây đã có nhiều lần khởi kiện xin ly hôn anh T, được Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng khi quay về chung sống, giữa vợ chồng vẫn không có hạnh phúc nên chị N khởi kiện lại để xin ly hôn với anh T.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, anh T có ý kiến mong muốn đoàn tụ nhưng anh T không đến tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tại phiên tòa anh T vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện anh T không có trách nhiệm với hôn nhân giữa anh và chị N, bỏ mặc cho chị N tự quyết định.

Từ những nhận định trên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thúy N, cho chị Bùi Thị Thúy N được ly hôn với anh Trương Thành T.

[3.2] Về con chung: Chị Bùi Thị Thúy N và anh Trương Thành T có 02 con chung tên là Trương Thị Quỳnh N, sinh ngày 30/9/2009 và Trương Thành L, sinh ngày 02/4/2011. Hiện nay cả 02 con chung đang sống cùng với chị N.

Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có ý kiến trường hợp chị N cương quyết xin ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Thành L, giao cháu Trương Thị Quỳnh N cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, các con chung của chị N và anh T đã trên 7 tuổi, các cháu đã có văn bản trình bày nguyện vọng được chung sống với chị N vì từ trước đến nay, chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Các con chung của chị N và anh T hiện nay đang sinh sống ổn định cùng với chị N, các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ (chị N). Tuy anh T có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trương Thành L, nhưng hiện nay cháu L đã trên 7 tuổi, có văn bản trình bày nguyện vọng được ở với mẹ, không đồng ý ở với anh T, nguyện vọng của cháu L là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con chung của chị N và anh T, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, giao hai con chung của chị N và anh T là Trương Thành L và Trương Thị Quỳnh N cho chị Bùi Thị Thúy N trực tiếp trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Hội đồng xét xử đã giải thích cho chị N về nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, nhưng chị N chứng minh được thu nhập bình quân của chị mỗi tháng có thể đảm bảo cho việc nuôi dạy các con, chị N giữ nguyên ý kiến không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nguyên đơn chị Bùi Thị Thúy N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Thúy N. Chị Bùi Thị Thúy N được ly hôn với anh Trương Thành T.

2. Về con chung: Giao hai cháu Trương Thị Quỳnh N sinh ngày 30/9/2009 và cháu Trương Thành L, sinh ngày 02/4/2011 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh Trương Thành T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị N và anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị N và anh T đều trình bày không có.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị Thúy N phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0002203 ngày 25/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị Bùi Thị Thúy N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Trương Thành T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND phường Quảng Phú, tp Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thu Hằng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

